

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Ngọc Minh

Bà Lương Thị Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị O, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Thôn 8, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Thôn 8, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 11/3/2019 và bản tự khai ngày 22/3/2019 chị O trình bày: Chị tự nguyện chung sống với anh Lê Văn T từ năm 2001, có tổ chức cưới, sống công khai nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nói chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 11 năm. Tuy nhiên trong thời gian sống chung mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ đầu năm 2012 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế và quan hệ xã hội, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Hai

người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 02 con là Lê Thanh B, sinh ngày 12/4/2002 và Lê Thanh M, sinh ngày 07/01/2010; chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu M, nhất trí để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu B đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của cả hai cháu; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện nay tôi và anh T đều làm nghề công nhân, có thu nhập kinh tế và nơi ăn ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn T trình bày tại bản tự khai ngày 28/3/2019: Thống nhất với chị O về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, nghi ngờ nhau sống không chung thủy, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh và gia đình đã nhiều lần khuyên giải để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Hai người đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài; anh xin ly hôn chị O.

Về con chung: Có 02 con là Lê Thanh B, sinh ngày 12/4/2002 và Lê Thanh M, sinh ngày 07/01/2010. Nếu ly hôn, anh xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, nhất trí để chị O tiếp tục nuôi dưỡng cháu M đến khi cả 02 cháu đủ 18 tuổi; trên cơ sở nguyện vọng của hai cháu; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Vì hiện nay cả tôi và chị O đều làm nghề công nhân, có thu nhập kinh tế và nơi ăn ở ổn định, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa xét thấy:

1. Về tố tụng: Chị O là nguyên đơn, anh T là bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị O tự nguyện chung sống với anh T từ năm 2001, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Hai người sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay cả 02 anh chị đều xin ly hôn.

Căn cứ điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị O và anh Lê Văn T là vợ chồng.

3. Về con chung: Anh chị có 02 con là Lê Thanh B, sinh ngày 12/4/2002 và Lê Thanh M, sinh ngày 07/01/2010; Chị O và anh T đều thống nhất giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu M cho chị O nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu M, cần chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Lê Thanh B, sinh ngày 12/4/2002 cho anh T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Lê Thanh M, sinh ngày 07/01/2010 cho chị O nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị O và anh T đều đủ điều kiện kinh tế và chỗ ở ổn định để nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị O phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị O là nguyên đơn, anh T là bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đánh giá chung vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 11 năm. Song trong thời gian sống chung mâu thuẫn phát sinh từ năm 2012 do phong cách sống không còn phù hợp, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Hai người sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay chị O và anh T đều xin ly hôn.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Cần xử tuyên bố không công nhận chị O và anh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Lê Thanh B, sinh ngày 12/4/2002 và Lê Thanh M, sinh ngày 07/01/2010. Nay anh chị đều thống nhất: giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng, giao cháu M cho chị O nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận của đôi bên phù hợp với nguyện vọng của cháu B và cháu M, cần chấp nhận. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị O và anh T đều đủ điều kiện kinh tế và chỗ ở ổn định để nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000 của Quốc hội;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Đinh Thị O và anh Lê Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thanh B, sinh ngày 12/4/2002 cho anh T nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Giao cháu Lê Thanh M, sinh ngày 07/01/2010 cho chị O nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, hai bên đương sự đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị O phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA.0012179 ngày 19 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị O đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thanh Huyền